

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2019

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiêm

Bà Phạm Thị Hương Lan

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2019 về việc: *“Ly hôn”*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Vũ Hà T, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, thị trấn L1, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Nơi cư trú: Thôn A, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

* Bị đơn: Anh Đặng Quốc Đ, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Hiện đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: 2223 Yahava, đường Misatô - Takasaki -tỉnh Gunma - Nhật Bản.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đặng Đức Hoàng H, sinh ngày 02/6/2013;

Người giám hộ cho cháu H: Chị Hoàng Vũ Hà T (mẹ đẻ)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, thị trấn L1, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

Nơi cư trú: Thôn A, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

* Người làm chứng:

- Ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1960 và bà Trần Thị P, sinh năm 1965;

HKTT: Thôn L, thị trấn L1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1973 và bà Vũ Ngọc A1, sinh năm 1975;
Nơi cư trú: Thôn A, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên;
Các đương sự, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Vũ Hà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Quốc Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L1, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 28/11/2012. Sau đó vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng và làm ăn buôn bán trên Hà Nội. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau luôn xảy ra mâu thuẫn, anh Đ hay chơi bời, vợ chồng có bất đồng quan điểm. Năm 2016 do có mâu thuẫn với bố mẹ chồng nên chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Đ xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống cách xa nhau từ đó và ít liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Tết năm 2018 anh Đ có về Việt Nam, chị và anh Đ có ký đơn ly hôn sau đó anh Đ sang Nhật Bản. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Đức Hoàng H, sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Quốc Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và công văn đề nghị anh Đ có quan điểm về việc chị T có đơn xin ly hôn anh Đ nhưng anh không có ý kiến trả lời.

Những người làm chứng:

Ông Đặng Văn Đ1 và bà Trần Thị P là bố mẹ đẻ anh Đ trình bày: Chị T và anh Đ kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình ông bà, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Ngày 29/8/2017 anh Đ xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, tết năm 2018 và tháng 6 năm 2019 khi ông nội anh Đ mất thì Đ có về Việt Nam được vài ngày sau đó lại sang Nhật Bản. Ông bà không biết rõ địa chỉ của anh Đ ở Nhật Bản nhưng giữa ông bà và anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Từ sau khi anh Đ sang Nhật Bản, chị T mang con về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông bà biết nguyên nhân chị T xin ly hôn anh Đ là do anh Đ nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên giữa chị T và anh Đ có mâu thuẫn với nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh Đ, ông bà được biết anh Đ cũng đồng ý ly hôn chị T và ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Đức Hoàng H, sinh năm 2013, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Ông bà đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng vì

hiện nay chị T chưa có chỗ ở và công việc ổn định, không có tư cách nuôi con. Về tài sản chung anh chị T anh Đ không có. Ngày 25/6/2019 anh Đ có về Việt Nam, bà P có thông báo cho anh Đ biết về Thông báo thụ lý số 11/TB-TLVA ngày 22/4/2019 và Công văn số 199/CV- TA ngày 22/5/2019 của Tòa án cho anh Đ biết và có thông báo cho anh Đ đến Tòa án tỉnh Hưng Yên để làm việc nhưng anh Đ nói việc ly hôn là do anh chị tự quyết định và dặn ông bà không được ký và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ông Hoàng Văn D và bà Vũ Ngọc A1 (là bố mẹ đẻ chị T) trình bày: Năm 2012 chị T kết hôn với anh Đặng Quốc Đ. Sau khi chung sống một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần chị T bỏ về nhà ông bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có mâu thuẫn với bố mẹ chồng, anh Đ hay chơi bời rượu chè, cờ bạc, ma túy bỏ bê vợ con. Năm 2016 anh Đ đi lao động tại Nhật Bản, chị T và anh Đ mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, hay cãi nhau, tết năm 2019 vừa rồi anh Đ có về nước và ký vào đơn chấp nhận ly hôn nên ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ, chị T được nuôi con và không có tài sản chung.

Xác minh tại UBND thị trấn L1, huyện K, Hưng Yên cung cấp: Chị Hoàng Vũ Hà T và anh Đặng Quốc Đ kết hôn năm 2012, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 02/2012 ngày 28/11/2012. Chị T, anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Đức Hoàng H.

Vì lý do công việc chị T đề nghị Tòa án không phải tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và từ chối hòa giải, chị đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai của các bên đương sự, đơn xin xét xử vắng mặt chị T. Lời khai của những người làm chứng cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Vũ Hà T. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Hoàng Vũ Hà T được ly hôn anh Đặng Quốc Đ. Về con chung: giao cháu Đặng Đức Hoàng H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị T không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Vũ Hà T có đơn xin ly hôn với anh Đặng Quốc Đ có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, thị trấn L1, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay anh Đ đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: 2223 Y, đường M -tỉnh Gunma - Nhật Bản (theo cung cấp của nguyên đơn). Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Anh Đặng Quốc Đ đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an cấp hộ chiếu số C3670704 ngày 12/7/2017, có giá trị đến 12/7/2027, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 17/02/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T có đơn xin ly hôn với anh Đ, có cung cấp địa chỉ của anh Đ tại Nhật Bản, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và công văn đề nghị anh Đ cung cấp quan điểm về việc giải quyết vụ án theo địa chỉ của anh Đ tại Nhật Bản, nhưng anh Đ không có ý kiến trả lời. Bố mẹ đẻ của anh Đ là bà Trần Thị P và ông Đặng Văn Đ1 cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở Nhật Bản, chỉ thường xuyên liên lạc với anh Đ qua điện thoại. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập cho anh Đ đến phiên tòa thông qua mẹ đẻ của anh Đ là bà Trần Thị P đang tạm trú tại ngõ 18 P1 - phường P2- quận H - Hà Nội, bà P đã biết về thời gian, địa điểm mở phiên tòa và cho biết do anh Đ dạn không được ký nhận các văn bản của Tòa nên bà từ chối nhận các văn bản trên (có sự chứng kiến của đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên, cán bộ tư pháp và xác nhận của UBND phường P2). Do vậy, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết.

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 02/2012 ngày 28/11/2012 và cung cấp của Ủy ban nhân dân thị trấn L1, huyện K, tỉnh Hưng Yên thì quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Vũ Hà T và anh Đặng Quốc Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T anh Đ chung sống cùng với gia đình nhà chồng và làm ăn buôn bán trên Hà Nội. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau luôn xảy ra mâu thuẫn. Theo chị T thì anh Đ hay chơi bời, vợ chồng có

bất đồng quan điểm. Năm 2016 do có mâu thuẫn với bố mẹ chồng nên chị T đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Đ xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống cách xa nhau từ đó và ít liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Tết năm 2019 anh Đ có về Việt Nam, chị T và anh Đ có ký đơn ly hôn sau đó lại sang Nhật Bản. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Bố mẹ đẻ anh Đ cung cấp từ sau khi anh Đ sang Nhật Bản, chị T mang con về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông bà biết nguyên nhân chị T xin ly hôn anh Đ là do anh Đ nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên giữa chị T và anh Đ có mâu thuẫn với nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh Đ, ông bà được biết anh Đ cũng đồng ý ly hôn chị T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trang và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống cách xa nhau, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do vậy chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh Đ để hai bên ổn định và có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung:

Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Đức Hoàng H, sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị T. Chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Bố mẹ anh Đ đề nghị giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay anh Đ đang lao động tại Nhật Bản nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Hiện tại cháu H đang sinh sống ổn định cùng chị T. Do vậy, để ổn định cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu, nên giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Vũ Hà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Vũ Hà T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Vũ Hà T được ly hôn anh Đặng Quốc Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Đức Hoàng H, sinh ngày 02/6/2013 cho chị Hoàng Vũ Hà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đặng Quốc Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Quốc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Vũ Hà T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2014/0000192 ngày 22/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh HY;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh